

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**.

Bà **Lương Thị Quyên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2022/TB-TA ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 4, thôn P, xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: **Đài Loan**.

Người được chị V ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn T, xã Thanh A, huyện H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Mạc Văn Đ**, sinh năm 1990.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Đội 4, thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Các Đ sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:** Chị và anh **Mạc Văn Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng về lối sống, về tư tưởng và về cách suy nghĩ dẫn đến thường xuyên bất hòa. Tháng 9/2017 chị V đi học tập và lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng rất ít liên lạc. Trong thời gian này, chị phát hiện anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và anh Đ cũng đã thừa nhận. Từ đó mâu thuẫn của vợ chồng càng không thể dung hòa, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mạc Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mạc Vân D, sinh ngày 11/7/2015. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên hiện nay con đang ở với anh Đ và anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con nên chị nhất trí để anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị V đang học tập, lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Hưng thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai, bị đơn anh Mạc Văn Đ trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị V có quan hệ hôn nhân như chị V trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu chị có liên lạc về cho anh nhưng gần đây thì rất ít liên lạc. Nguyên nhân là do sống xa cách lâu ngày nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, trong thời gian đó anh có chơi bời nhưng không quá xa đà, anh vẫn mong muốn chị V bỏ qua để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho nhau nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung; Vợ chồng có một con chung như chị V trình bày là đúng, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Mạc Vân D cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người được chị V ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tại Tòa án - ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị V về việc giao, nhận văn bản tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị V biết, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Con chung của chị V, anh Đ là cháu Mạc Vân D có nguyện vọng được ở với chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Mạc Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Mạc Văn D cho anh Đ nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các Đ sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại đội 4, thôn P, xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang học tập và làm việc tại Đài Loan. Bị đơn anh Mạc Văn Đ đang sinh sống tại đội 4, thôn P, xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Mặc dù, chị V không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị về việc vắng mặt và giấy ủy quyền về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Văn phòng kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị V gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị.

Chị V, anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Mạc Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/6/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Năm 2017, chị V đi học tập, lao động tại Đài Loan, vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, chị V và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V có đơn xin ly hôn, anh Đ nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị V được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Mạc Văn Đ có một con chung là Mạc Văn D, sinh ngày 11/7/2015, hiện con đang ở với anh Đ. Mặc dù cháu Mạc Văn D có nguyện vọng được ở với chị V, tuy nhiên do hiện tại chị V không có mặt tại Việt Nam, hơn nữa chị V và anh Đ thống nhất giao con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Mạc Văn D cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị V, anh Đ không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Mạc Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Mạc Văn D, sinh ngày 11/7/2015 cho anh Mạc Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Chị Mạc Thị V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0000056 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Văn H nộp thay). Chị V đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Mạc Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các Đ sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**